

PHỤ LỤC
DANH MỤC KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CUNG CẤP THUỐC NĂM 2023 - 2024
GÓI THẦU SỐ 06: VẮC XIN TIÊM NGỪA DỊCH VỤ

(Đính kèm Quyết định số 1577/QĐ-SYT ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Sở Y tế Đồng Nai)

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

STT	STT HSMT	Nhóm thuốc	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu trúng thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
1	1	1	Huyết thanh kháng virus viêm gan B	Fovepta	Human protein trong đó IgG tối thiểu 96% với hàm lượng Hepatitis B Immunoglobulin người - 200 IU/0,4ml	Thuốc tiêm	Tiêm	SP3-1233- 21	Cơ sở sản xuất: Biotest AG; Cơ sở xuất xưởng: Biotest Pharma GmbH	Đức	Hộp 01 ống tiêm đóng sẵn 0,4ml kèm 01 kim tiêm	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dược Hoàng Long	Ống	1.010	2.000.000	2.020.000.000	6
2	2	1	Vắc xin ngừa bạch hầu, uốn vấn, ho gà, bại liệt	Tetraxim	Giải độc tố bạch hầu ≥ 30 IU, Giải độc tố uốn ván ≥ 40 IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố (PTxd) 25 mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt 40 D.U; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt 8 D.U; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt 32 D.U	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Tiêm bắp	QLVX-826- 14	Sanofi Pasteur	Pháp	Hộp 1 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều 0,5ml vắc xin; Hộp 10 bơm tiêm, mỗi bơm nạp sẵn 1 liều (0,5ml) vắc xin	Công Ty TNHH Dược Phẩm Và Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	Bơm tiêm	10.090	378.672	3.820.800.480	5
3	3	1	Vắc xin 4 trong 1 phòng ngừa các bệnh ho gà, bạch hầu, uốn ván, bại liệt	Tetraxim	Giải độc tố bạch hầu ≥ 30 IU, Giải độc tố uốn ván ≥ 40 IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố (PTxd) 25 mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt 40 D.U; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt 8 D.U; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt 32 D.U	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Tiêm bắp	QLVX-826- 14	Sanofi Pasteur	Pháp	Hộp 1 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều 0,5ml vắc xin; Hộp 10 bơm tiêm, mỗi bơm nạp sẵn 1 liều (0,5ml) vắc xin	Công Ty TNHH Dược Phẩm Và Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	Bơm tiêm	3.620	378.672	1.370.792.640	5

STT	STT HSMT	Nhóm thuốc	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu trúng thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
4	4	1	Vắc xin Cúm mùa Tứ giá	Influvac tetra	Mỗi liều 0,5ml vắc xin chứa: A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09 – sử dụng chủng tương đương (A/Brisbane/02/2018, IVR-190) 15 mcg; A/South Australia/34/2019 (H3N2) – sử dụng chủng tương đương (A/South Australia/34/2019, IVR-197) 15 mcg; B/Washington/02/2019 – sử dụng chủng tương đương (B/Washington/02/2019, chủng hoang dã) 15 mcg; B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 mcg	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	VX3-1228-21	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	Hộp có 1 xy lanh chứa 0,5ml hỗn dịch	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Phúc Thiện	Lọ	51.110	251.450	12.851.609.500	8
5	5	1	Vắc xin kết hợp bạch hầu, ho gà vô bào, uốn ván, viêm gan B, bại liệt bất hoạt, HiB	Hexaxim	Mỗi liều 0,5ml chứa: Giải độc tố bạch hầu: không dưới 20 IU; Giải độc tố uốn ván: không dưới 40 IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Típ 1 (Mahoney): 40 đơn vị kháng nguyên D, Típ 2 (MEF-1): 8 đơn vị kháng nguyên D, Típ 3 (Saukett): 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae típ b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36 mcg.	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Tiêm bắp	QLVX-1076-17	Sanofi Pasteur	Pháp	Hộp 1 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều (0,5 ml) và 02 kim tiêm	Công Ty TNHH Dược Phẩm Và Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	Bơm tiêm	40.890	865.200	35.378.028.000	5

STT	STT HSMT	Nhóm thuốc	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu trúng thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
6	6	1	Vắc xin ngừa dại	Verorab Vắc xin dại (bất hoạt) , điều chế trên canh cấy tế bào	Mỗi 1 liều vắc - xin hoàn nguyên (0,5 ml) chứa: virus dại bất hoạt (chủng Wistar PM/WI 38 1503-3M) $\geq 2,5$ IU	Thuốc tiêm đông khô	Tiêm bắp, tiêm trong da	QLVX-986-16	Sanofi Pasteur	Pháp	Hộp 10 lọ, mỗi lọ chứa 01 liều vắc xin bột đông khô kèm với 10 bơm tiêm, mỗi bơm tiêm nạp sẵn 01 liều (0,5ml) dung môi	Công Ty TNHH Dược Phẩm Và Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	Lọ	74.080	241.595	17.897.357.600	5
7	7	1	Vắc xin ngừa Sởi, Quai bị, Rubella	M-M-R ®II (Cơ sở sản xuất dung môi: Jubilant HollisterStier LLC - Đ/c: 3525 North Regal Street, Spokane, Washington, U.S.99207 - USA)	Virus sởi ≥ 1000 CCID50; Virus quai bị ≥ 12500 CCID50; virus rubella ≥ 1000 CCID50	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm bắp (IM) hoặc tiêm dưới da (SC)	QLVX-878-15	CSSX: Merck Sharp & Dohme Corp.; Cơ sở đóng gói: Merck Sharp & Dohme B.V; CSSX dung môi: Jubilant HollisterStier LLC;	CSSX: Mỹ, đóng gói: Hà Lan, CSSX Dung môi: Mỹ	Hộp 10 lọ vắc xin đơn liều kèm hộp 10 lọ dung môi pha tiêm	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2	Lọ	37.530	164.620	6.178.188.600	4
8	8	1	Vắc xin ngừa Thủy đậu	Varivax	Oka/Merck varicella virus, live, attenuated ≥ 1350 PFU	Bột đông khô kèm lọ dung môi	Tiêm bắp	QLVX-909-15	CSSX: Merck Sharp & Dohme Corp; Cơ sở đóng gói: Merck Sharp & Dohme B.V; CSSX dung môi: Jubilant HollisterStier LLC	CSSX: Mỹ, đóng gói: Hà Lan, CSSX Dung môi: Mỹ	Hộp 1 lọ bột đơn liều kèm 1 lọ dung môi	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2	Lọ	24.110	714.440	17.225.148.400	4
9	9	1	Vắc xin ngừa tiêu chảy do rotavirus	RotaTeq	Mỗi 2ml dung dịch chứa: Rotavirus G1 human-bovine reassortant $\geq 2,2$ triệu IU; Rotavirus G2 human-bovine reassortant $\geq 2,8$ triệu IU; Rotavirus G3 human-bovine reassortant $\geq 2,2$ triệu IU; Rotavirus G4 human-bovine reassortant $\geq 2,0$ triệu IU; Rotavirus P1A(8) human-bovine reassortant $\geq 2,3$ triệu IU	Dung dịch uống	Uống	QLVX-990-17	Merck Sharp & Dohme Corp.	Mỹ	Hộp 10 túi x 1 tuýp nhựa 2ml	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2	Tuýp	14.480	535.320	7.751.433.600	4

STT	STT HSMT	Nhóm thuốc	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu trúng thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
10	10	1	Vắc xin ngừa ung thư cổ tử cung	Gardasil	Vắc xin tái tổ hợp tứ giá phòng vi rút HPV ở người tít 6, 11,16,18. Mỗi liều 0,5ml chứa 20mcg protein L1 HPV6 ; 40mcg protein L1 HPV11; 40mcg protein L1 HPV 16; 20mcg protein L1 HPV18	Dịch treo vô khuẩn	Tiêm bắp	QLVX-883-15	Merck Sharp & Dohme Corp.; Cơ sở đóng gói thứ cấp: Merck Sharp & Dohme B.V	CSSX: Mỹ, đóng gói: Hà Lan	Hộp 1 lọ vắc xin đơn liều	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2	Lọ	32.350	1.509.600	48.835.560.000	4
11	14	1	Vắc xin phế cầu 13 giá trị	Prevenar 13	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg ; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	QLVX-H03-1142-19	CSSX: Pfizer Ireland Pharmaceuticals; CSDG: Pfizer Manufacturing Belgium NV	CSSX: Ai Len, CSDG: Bỉ	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn 1 liều đơn 0,5ml thuốc kèm 1 kim tiêm riêng biệt	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2	Bơm tiêm	51.990	1.077.300	56.008.827.000	4

STT	STT HSMT	Nhóm thuốc	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu trúng thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
12	15	1	Vắc xin phòng cúm mùa (cho trẻ từ 6 tháng tuổi trở lên và người lớn)	Vaxigrip Tetra	Mỗi 0,5 ml vắc xin chứa: A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09 – sử dụng chủng tương đương (A/Brisbane/02/2018, IVR-190) 15 micrograms HA; A/South Australia/34/2019 (H3N2) – sử dụng chủng tương đương (A/South Australia/34/2019, IVR-197) 15 micrograms HA; B/Washington/02/2019 – sử dụng chủng tương đương (B/Washington/02/2019, chủng hoang dã) 15 micrograms HA; B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 micrograms HA.	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Tiêm bắp hay tiêm dưới da	VX3-1230-21	Sanofi Pasteur	Pháp	Hộp 01 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều 0,5 ml	Công Ty TNHH Dược Phẩm Và Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	Bơm tiêm	50.580	270.000	13.656.600.000	5
13	17	1	Vắc xin phòng ngừa virus gây bệnh viêm gan siêu vi A	Avaxim 80U Pediatric	Mỗi liều 0,5ml chứa: virus viêm gan A (chủng GBM) bất hoạt 80U	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Tiêm bắp	QLVX-1050-17	Sanofi Pasteur	Pháp	Hộp 1 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều (0,5ml)	Công Ty TNHH Dược Phẩm Và Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	Bơm tiêm	1.280	395.105	505.734.400	5
14	18	1	Vắc xin phòng ung thư cổ tử cung	Gardasil 9	Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	Hỗn Dịch Tiêm	Tiêm bắp	VX3-1234-21	CSSX & ĐG cấp 1: Merck Sharp & Dohme Corp.; CSDG cấp 2 & xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme B.V	CSSX & ĐG cấp 1: Hoa Kỳ; CSDG cấp 2 & xuất xưởng: Hà Lan	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn 0,5 mL vắc xin và 2 kim tiêm	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2	Bơm tiêm	16.450	2.572.500	42.317.625.000	4

STT	STT HSMT	Nhóm thuốc	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu trúng thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
15	19	1	Vaccin viêm gan A bất hoạt và viêm gan B tái tổ hợp	Twinrix	Mỗi liều 1,0ml chứa: Hepatitis A virus antigen (HM175 strain) 720 Elisa units; r-DNA Hepatitis B Virus surface antigen (HBsAg) 20mcg	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	QLVX-1078-18	CSSX: GlaxoSmithKline Biologicals S.A ; CSXX: GlaxoSmithKline Biologicals S.A ; Cơ sở đóng gói: GlaxoSmithKline Biologicals NL der SmithKline Beecham Pharma GmbH & Co. KG. (sơ cấp & thứ cấp)	CSSX và xuất xưởng: Bỉ, đóng gói: Đức	Hộp 01 bơm tiêm đóng sẵn một liều vắc xin (1.0 ml) và 1 kim tiêm	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2	Hộp	5.590	469.900	2.626.741.000	4
16	20	1	Vắc-xin kết hợp bạch hầu - uốn ván - ho gà	Boostrix	Giải độc tố bạch hầu ≥ 2 IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 20 IU; Giải độc tố ho gà 8 μ g; Filamentous Haemagglutinin 8 μ g; Pertactin 2,5 μ g	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	QLVX-H03-1140-19	Cơ sở sản xuất dạng bào chế, vào lọ, đóng gói: GlaxoSmithKline Biologicals; Cơ sở xuất xưởng: GlaxoSmithKline Biologicals S.A	Pháp và chứng nhận xuất xưởng Bỉ	Hộp chứa 1 bơm tiêm đóng sẵn liều 0,5ml và 2 kim tiêm	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2	Hộp	6.910	598.000	4.132.180.000	4
17	21	2	Vắc xin cúm mùa 4 chủng chứa kháng nguyên virus cúm A H1N1, A H3N2, type B/dòng Victoria, type B/dòng Yamagata	GCFlu Quadrivalent Pre-filled Syringe inj	(Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H1N1 - 15mcg; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H3N2: 15mcg; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm type B: 15mcg; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm type B: 15mcg)/0,5ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	VX3-1229-21	Green Cross Corporation	Hàn Quốc	Hộp chứa 10 bơm tiêm đóng sẵn (0,5ml)	Công Ty Cổ Phần Y Tế Amvgroup	Liều	25.810	239.925	6.192.464.250	1
18	22	4	Huyết thanh kháng đại	Huyết thanh kháng đại tinh chế (SAR)	Kháng thể kháng vi rút đại 1000 IU	Dung dịch tiêm	Tiêm bắp	QLSP-0778-14	Viện vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	Hộp 10 lọ x 1000 IU/lọ	Công Ty Cổ Phần Vắc Xin Và Sinh Phẩm Nam Hưng Việt	Lọ	4.570	337.050	1.540.318.500	7
19	23	4	Huyết thanh kháng uốn ván	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế, (1500 IU/ống)	Dung dịch tiêm	Tiêm	QLSP-1037-17	Viện Vắc Xin Và Sinh Phẩm Y Tế (IVAC)	Việt Nam	Hộp 20 ống, hai vi x 1500 đvqt	Công Ty TNHH Dược Phẩm Vắc Xin Thuận Đức	Ống	#####	25.263	3.345.831.720	9

STT	STT HSMT	Nhóm thuốc	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu trúng thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
20	24	4	Vắc xin kết hợp uốn ván, bạch hầu	Vắc xin uốn ván bạch hầu hấp phụ (Td)	Giải độc tố uốn ván tinh chế: ít nhất 20 đvqt; Giải độc tố bạch hầu tinh chế: ít nhất 2 đvqt	Dung dịch tiêm	Tiêm bắp sâu	QLVX-943-16	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	Hộp 20 ống, mỗi ống chứa 0,5ml -1 liều	Công Ty Cổ Phần Y Tế Amvgroup	Ống	21.610	28.665	619.450.650	1
21	25	4	Vắc xin ngừa uốn ván	Vắc xin uốn ván hấp phụ (TT)	Giải độc tố uốn ván tinh chế	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	QLVX-881-15	Viện Vắc Xin Và Sinh Phẩm Y Tế (IVAC)	Việt Nam	Hộp 20 ống (0,5ml/ống chứa 01 liều vắc xin)	Công Ty TNHH Dược Phẩm Vắc Xin Thuận Đức	Ống	68.740	13.440	923.865.600	9
22	26	4	Vắc xin ngừa viêm gan siêu vi B	Vắc xin viêm gan B tái tổ hợp Gene-HBVAX	Kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B tinh khiết	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	QLVX-1044-17	Công ty TNHH MTV Vắc Xin Và Sinh Phẩm Số 1 (Vabiotech)	Việt Nam	Hộp 10 lọ x 1ml	Công Ty Cổ Phần Vắc Xin Và Sinh Phẩm Nam Hưng Việt	Lọ	11.820	65.940	779.410.800	7
23	27	4	vắc xin phòng bệnh cúm mùa dạng mảnh bất hoạt	IVACFLU-S (Vắc xin cúm mùa dạng mảnh bất hoạt)	Kháng nguyên bề mặt tinh chế virus cúm các chủng: -Chủng A/H1N1 (NYMC X-179A), A/California/07/2009); - Chủng A/H3N2 (NYMC X-263B), A/HongKong/4801/2014); - Chủng B (NYMC BX-35, B/Brisbane/60/2008)	Dung dịch tiêm	Tiêm bắp	QLVX-H03-1137-19	Viện vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	Hộp 10 lọ, lọ 1 liều x 0,5ml	Công Ty Cổ Phần Vắc Xin Và Sinh Phẩm Nam Hưng Việt	Lọ	8.850	149.100	1.319.535.000	7
24	28	4	Vắc xin phòng bệnh tiêu chảy do Rotavirus	Rotavin-M1	Virus Rota sống, giảm độc lực typ G1P [8] ≥ 2 triệu PFU/2ml	Dung dịch uống	Uống	QLVX-1039-17	Trung tâm nghiên cứu sản xuất vắc xin và sinh phẩm y tế	Việt Nam	Hộp to chứa 10 hộp nhỏ x 1 lọ x 2ml	Công Ty Cổ Phần Y Tế Amvgroup	Lọ	16.340	339.780	5.552.005.200	1
25	29	4	Vắc xin phòng bệnh Viêm Não Nhật Bản	Vắc xin Viêm não Nhật Bản - JEVAX	Vi rút viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết - chủng Nakayama	Dung dịch tiêm	Tiêm dưới da	QLVX-0763-13	Công ty TNHH MTV vắc xin và sinh phẩm số 1 (Vabiotech)	Việt Nam	Hộp chứa 10 lọ x 1ml (1 liều người lớn)	Công Ty Cổ Phần Vắc Xin Và Sinh Phẩm Nam Hưng Việt	Lọ	20.360	49.815	1.014.233.400	7
26	30	4	Vắc xin viêm gan A tinh khiết, bất hoạt	Vắc xin viêm gan A tinh khiết, bất hoạt - HAVAX	Protein bao gồm kháng nguyên virut viêm gan A tinh khiết < 100mcg/0,5ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	QLVX-1110-18	Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1	Việt Nam	Hộp 10 lọ x 0,5ml (1 liều)	Công Ty Cổ Phần Y Tế Amvgroup	Lọ	15.000	95.400	1.431.000.000	1
27	31	4	Vắc-xin phòng bệnh viêm gan B	Gene-HBVAX	Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	QLVX-1043-17	Công ty TNHH MTV vắc xin và sinh phẩm số 1 (Vabiotech)	Việt Nam	Hộp 10 lọ x 0,5ml	Công Ty Cổ Phần Vắc Xin Và Sinh Phẩm Nam Hưng Việt	Lọ	7.320	45.045	329.729.400	7
28	33	5	Vắc xin đại tế bào vero tinh chế	Abhayrab (vắc xin phòng bệnh đại)	Kháng nguyên tinh chế từ virus đại chủng L.Pasteur 2061 Vero 15 passage, nuôi cấy trên tế bào vero ≥ 2,5 IU/0,5ml	Bột đông khô	Tiêm bắp/Tiêm trong da	QLVX-0805-14	Human Biologicals Institute	Ấn Độ	Hộp đựng 10 lọ vắc xin đơn liều, 10 lọ đựng môi hoàn nguyên vắc xin và 10 xy lạnh vô trùng	Công Ty Cổ Phần Y Tế Amvgroup	Lọ	38.030	164.800	6.267.344.000	1

STT	STT HSMT	Nhóm thuốc	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu trúng thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
29	34	5	Vắc xin kết hợp bạch hầu, ho gà vô bào, uốn ván, viêm gan B, bại liệt bất hoạt, HiB	Infanrix Hexa	Biến độc tố bạch hầu ≥ 30 IU; Biến độc tố uốn ván ≥ 40 IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà (PT) 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25mcg và Pertactin (PRN) 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBV) 10mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40 DU; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8 DU; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32 DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang (PRP-TT)	Bột đông khô Hib và hỗn dịch (DTaP-HBV-IPV) để pha hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	QLVX-989-17	GlaxoSmithKline Biological S.A	Bỉ	Hộp 1 bơm tiêm (DTaP-HBV-IPV), 2 kim tiêm và 1 lọ bột đông khô (hib)	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2	Liều	54.550	864.000	47.131.200.000	4
30	35	5	Vắc xin ngừa các bệnh gây ra do phế cầu khuẩn	Synflorix	Một liều (0,5ml) chứa 1 mcg polysaccharide của các týp huyết thanh 11,2, 51,2, 6B1,2, 7F1,2, 9V1,2, 141,2, 23F1,2 và 3 mcg của các týp huyết thanh 41,2, 18C1,3, 19F1,4	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	QLVX-1079-18	CSSX & đóng gói: GlaxoSmithKline Biologicals S.A ; CSXX: GlaxoSmithKline Biologicals S.A	CSSX và đóng gói: Pháp; Chứng nhận xuất xưởng: Bỉ	Hộp chứa 1 bơm tiêm đóng sẵn 1 liều (0,5ml) vắc xin và 1 kim tiêm	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2	Liều	70.910	829.900	58.848.209.000	4
31	37	5	Vắc xin ngừa Sởi, Quai bị, Rubella	Measles, Mumps and Rubella Vaccine Live, Attenuated (Freeze-Dried)	Virus sởi ≥ 1000 CCID50; Virus quai bị ≥ 5000 CCID50; virus rubella ≥ 1000 CCID50	Bột đông khô	Tiêm dưới da sâu	QLVX-1045-17	Serum Institute of India Private Limited	Ấn Độ	Hộp 50 lọ bột + 50 ống dung môi nước cất pha tiêm 0,5ml	Công Ty Cổ Phần Vắc Xin Và Sinh Phẩm Nam Hưng Việt	Liều	17.990	137.550	2.474.524.500	7
32	38	5	Vắc xin ngừa tiêu chảy do rotavirus	Rotarix	Mỗi liều 1,5ml chứa: Rotavirus ở người sống giảm độc lực chủng RIX4414 $\geq 106,0$ CCID50	Hỗn dịch uống	Uống	QLVX-1049-17	CSSX: GlaxoSmithKline Biologicals S.A ; CSXX: GlaxoSmithKline Biologicals S.A	CSSX: Bỉ ; CSXX: Bỉ	Hộp chứa 1 ống x 1,5ml	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2	Ống	27.010	700.719	18.926.420.190	4

STT	STT HSMT	Nhóm thuốc	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu trúng thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
33	39	5	Vắc xin ngừa viêm gan siêu vi B	Heberbiovac HB (Vắc xin viêm gan B tái tổ hợp)	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$): 10mcg/0,5ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp sâu	QLVX- 0748-13	Center for Genetic Engineering and Biotechnology (CIGB)	CuBa	Hộp 25 lọ x 10mcg/0,5ml	Công Ty Cổ Phần Y Tế Amvgroup	Lọ	8.620	45.780	394.623.600	1
34	40	5	Vắc xin ngừa viêm gan siêu vi B	Heberbiovac HB	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$): 20 mcg/1ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp sâu	QLVX- 0624-13	Center for Genetic Engineering and Biotechnology (CIGB)	CuBa	Hộp 25 lọ x 20mcg/1ml	Công Ty Cổ Phần Y Tế Amvgroup	Lọ	19.080	66.780	1.274.162.400	1
35	41	5	Vắc xin ngừa viêm phổi và viêm màng não mũ do Hib	QUIMI-HIB	Mỗi 0,5ml dung dịch chứa Polysaccharide polyribosylribitolphosphate (PRP) 10mcg cộng hợp với (20,8-31,25 mcg) giải độc tố uốn ván.	Dung dịch tiêm	Tiêm bắp	QLVX-987- 17	Center for Genetic Engineering and Biotechnology (CIGB)	CuBa	Hộp chứa 25 lọ 0,5ml	Công Ty Cổ Phần Y Tế Amvgroup	Lọ	7.090	178.080	1.262.587.200	1
36	42	5	Vắc xin phòng bệnh Não Mò Cầu type B&C	VA-MENGOC- BC	Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B; Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp sâu	QLVX- H02-985-16	Instituto Finlay de Vacunas	Cu Ba	Hộp 10 lọ x 0,5ml (1 liều)	Công Ty Cổ Phần Vắc Xin Và Sinh Phẩm Nam Hưng Việt	Lọ	32.620	151.704	4.948.584.480	7
37	43	5	Vắc xin phòng bệnh thủy đậu	Varilrix	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA) $\geq 103,3$ PFU	Bột đông khô và dung dịch pha tiêm	Tiêm dưới da	QLVX- 1139-19	Nhà sản xuất dạng bào chế vắc xin: Corixa Corporation dba GlaxoSmithKline Vaccines; Cơ sở sản xuất ống dung môi: Catalent Belgium SA; Aspen Notre Dame de Bondeville; Cơ sở đóng gói: GlaxoSmithKline Biologicals S.A; Cơ sở xuất xưởng: GlaxoSmithKline Biologicals S.A	Nhà sản xuất dạng bào chế vắc xin: Mỹ; Cơ sở sản xuất ống dung môi: Bi / Pháp; Cơ sở đóng gói: Bi; Cơ sở xuất xưởng: Bi	Hộp 1 lọ vắc xin đông khô, 1 bơm tiêm đồng sẵn dung môi hoàn nguyên (0,5ml) và 2 kim tiêm	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2	Hộp	11.280	764.000	8.617.920.000	4

STT	STT HSMT	Nhóm thuốc	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu trúng thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
38	44	5	Vắc xin phòng bệnh thủy đậu	Vắc xin Varicella sống giảm độc lực - Varicella Vaccine - GCC Inj	Virus thủy đậu sống giảm độc lực	Bột đông khô	Tiêm dưới da	QLVX-1046-17	Green Cross Corporation	Hàn Quốc	Hộp 1 lọ bột đông khô + 1 ống dung môi pha tiêm 0,7ml	Công Ty Cổ Phần Vắc Xin Và Sinh Phẩm Nam Hưng Việt	Lọ	23.710	501.000	11.878.710.000	7
39	45	5	Vắc xin phòng bệnh Viêm Não Nhật Bản	Imojev	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực 4,0 - 5,8 log PFU	Thuốc tiêm đông khô	Tiêm dưới da cho người từ 9 tháng tuổi trở lên	QLVX-1108-18	Government Pharmaceutical Organization-Merieux Biological Products Co., Ltd (GPO-MBP)	Thái Lan	Hộp 01 lọ 01 liều vắc xin bột đông khô và 01 lọ 01 liều dung môi dung dịch NaCl 0,4% vô khuẩn (0,5ml) kèm 01 bơm tiêm và 02 kim tiêm	Công Ty TNHH Dược Phẩm Và Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	Lọ	20.510	554.400	11.370.744.000	5
40	46	5	Vắc xin phòng ngừa não mô cầu 4 tuýp A, C, Y, W-135, cho người từ 9 tháng tới 55 tuổi	Menactra	Mỗi liều 0,5ml chứa: - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4µg;- Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4µg;- Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4µg;- Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4µg;- Protein giải độc tố Bạch hầu 48µg (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)	Thuốc tiêm	Tiêm bắp	QLVX-H03-1111-18	Sanofi Pasteur Inc.	Mỹ	Hộp 1 lọ, lọ 1 liều x 0,5ml	Công Ty TNHH Dược Phẩm Và Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	Lọ	19.790	1.050.000	20.779.500.000	5
41	47	5	Vaccin ngừa đại tể bào vero	Speeda	Vắc xin đại (chủng L.Pasteur 2061/VERO) được nhân giống trên tế bào Vero, được bất hoạt bằng beta-propiolactone. (≥ 2,5 IU/ 0,5 ml)	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm bắp	QLVX-1041-17	Liaoning Cheng da Biotechnology Co., Ltd	Trung Quốc	Hộp 5 lọ bột đông khô và 5 ống dung môi nước cất pha tiêm x 0,5ml	Công Ty TNHH Dược Phẩm Biển Loan	Lọ	18.710	159.600	2.986.116.000	2
42	48	5	Vaccin ngừa đại tể bào vero	INDIRAB	Kháng nguyên tinh chế từ virus đại chủng Pitman Moore ≥ 2,5 IU/0,5ml	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm bắp/ tiêm trong da	QLVX-1042-17	Bharat Biotech International Limited	Ấn Độ	Hộp 1 lọ bột đông khô đơn liều, 1 ống dung môi hoàn nguyên 0,5ml và 1 xy lanh vô trùng	Công Ty Cổ Phần Y Tế Amvgroup	Lọ	62.180	155.500	9.668.990.000	1

STT	STT HSMT	Nhóm thuốc	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu trúng thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
43	49	5	Vacxin viêm não nhật bản	JEEV	Virus viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết (chủng SA 14-14-2): 3mcg/0,5ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	VX3-1178-20	Biological E. Limited	Ấn Độ	Lọ vắc xin 3 mcg/0,5ml, Hộp 10 lọ	Công Ty Cổ Phần Y Tế Amvgroup	Lọ	20.740	253.000	5.247.220.000	1
44	50	5	Vacxin viêm não nhật bản	JEEV	Virus viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết (chủng SA 14-14-2): 6mcg/0,5ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm bắp	VX3-1179-20	Biological E. Limited	Ấn Độ	Lọ vắc xin 6 mcg/0,5ml, Hộp 10 lọ	Công Ty Cổ Phần Y Tế Amvgroup	Lọ	16.210	352.000	5.705.920.000	1
Tổng cộng: 44 mặt hàng; Trị giá: #####																	

BVĐK Đồng Nai	BVĐK Thống Nhất ĐN	BV Đa liễu	BV Nhi	BV Phổi	BV YDCT	BVĐK KV Định Quán	BVĐK KV Long Khánh	BVĐK KV Long Thành	TTYT TP. Biên Hòa
540	-	-	-	-	-	-	470	-	-
120	-	-	1.340	-	-	-	270	-	-
670	-	-	1.340	-	-	-	-	-	-

BVĐK Đồng Nai	BVĐK Thống Nhất ĐN	BV Đa liễu	BV Nhi	BV Phổi	BV YDCT	BVĐK KV Định Quán	BVĐK KV Long Khánh	BVĐK KV Long Thành	TTYT TP. Biên Hòa
6.000	-	-	4.000	-	-	-	1.600	-	-
2.400	20	-	5.340	-	-	-	1.340	-	80

BVĐK Đồng Nai	BVĐK Thống Nhất ĐN	BV Đa liễu	BV Nhi	BV Phổi	BV YDCT	BVĐK KV Định Quán	BVĐK KV Long Khánh	BVĐK KV Long Thành	TTYT TP. Biên Hòa
670	20	-	-	-	-	-	1.600	-	400
3.200	20	-	4.000	-	-	-	1.340	-	400
2.670	20	-	3.340	-	-	-	1.340	-	270
1.560	20	-	2.000	-	-	-	1.340	-	80

BVĐK Đồng Nai	BVĐK Thống Nhất ĐN	BV Đa liễu	BV Nhi	BV Phổi	BV YDCT	BVĐK KV Định Quán	BVĐK KV Long Khánh	BVĐK KV Long Thành	TTYT TP. Biên Hòa
1.740	20	-	1.070	-	-	-	800	-	140
6.670	20	-	2.000	-	-	-	2.000	-	-

BVĐK Đồng Nai	BVĐK Thống Nhất ĐN	BV Đa liễu	BV Nhi	BV Phổi	BV YDCT	BVĐK KV Định Quán	BVĐK KV Long Khánh	BVĐK KV Long Thành	TTYT TP. Biên Hòa
8.000	-	-	8.000	-	-	-	940	-	140
670	-	-	540	-	-	-	-	-	-
670	-	-	670	-	-	-	270	-	-

BVĐK Đồng Nai	BVĐK Thống Nhất ĐN	BV Đa liễu	BV Nhi	BV Phổi	BV YDCT	BVĐK KV Định Quán	BVĐK KV Long Khánh	BVĐK KV Long Thành	TTYT TP. Biên Hòa
2.000	20	-	1.340	-	-	-	-	-	-
2.400	20	-	400	-	-	-	-	-	-
2.000	20	-	5.340	-	-	-	800	-	-
-	20	-	-	-	-	-	-	-	-
28.000	20.000	-	2.000	-	-	-	24.000	-	800

BVĐK Đồng Nai	BVĐK Thống Nhất ĐN	BV Đa liễu	BV Nhi	BV Phổi	BV YDCT	BVĐK KV Định Quán	BVĐK KV Long Khánh	BVĐK KV Long Thành	TTYT TP. Biên Hòa
400	20	-	-	-	-	-	270	-	-
670	20	-	-	-	-	-	2.800	-	2.670
670	-	-	-	-	-	-	670	-	200
1.340	20	-	-	-	-	-	940	-	-
4.800	20	-	-	-	-	-	140	-	-
2.000	20	-	4.000	-	-	-	670	-	340
2.000	20	-	1.600	-	-	-	340	-	140
670	-	-	-	-	-	-	270	-	80
-	-	-	-	-	-	-	540	-	400

BVĐK Đồng Nai	BVĐK Thống Nhất ĐN	BV Đa liễu	BV Nhi	BV Phổi	BV YDCT	BVĐK KV Định Quán	BVĐK KV Long Khánh	BVĐK KV Long Thành	TTYT TP. Biên Hòa
6.400	-	-	9.340	-	-	-	1.070	-	160
8.550	20	-	9.340	-	-	-	1.340	-	160
1.200	20	-	2.000	-	-	-	270	-	140
2.000	-	-	3.340	-	-	-	270	-	140

BVĐK Đồng Nai	BVĐK Thống Nhất ĐN	BV Đa liễu	BV Nhi	BV Phổi	BV YDCT	BVĐK KV Định Quán	BVĐK KV Long Khánh	BVĐK KV Long Thành	TTYT TP. Biên Hòa
540	20	-	1.340	-	-	-	-	-	70
540	70	-	400	-	-	-	-	-	80
140	20	-	-	-	-	-	-	-	80
4.000	20	-	5.340	-	-	-	400	-	160
1.200	20	-	1.340	-	-	-	400	-	-

BVĐK Đồng Nai	BVĐK Thống Nhất ĐN	BV Đa liễu	BV Nhi	BV Phổi	BV YDCT	BVĐK KV Định Quán	BVĐK KV Long Khánh	BVĐK KV Long Thành	TTYT TP. Biên Hòa
1.200	-	-	4.000	-	-	-	400	-	140
2.670	20	-	540	-	-	-	400	-	140
1.340	-	-	2.000	-	-	-	270	-	-
670	20	-	-	-	-	-	-	-	670
670	-	-	-	-	-	-	140	-	-

BVĐK Đồng Nai	BVĐK Thống Nhất ĐN	BV Đa liễu	BV Nhi	BV Phổi	BV YDCT	BVĐK KV Định Quán	BVĐK KV Long Khánh	BVĐK KV Long Thành	TTYT TP. Biên Hòa
2.400	20	-	2.000	-	-	-	270	-	140
270	20	-	940	-	-	-	-	-	-
48.337.318.230	727.037.880	-	46.774.153.780	-	-	-	13.863.798.620	-	1.611.226.000

TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch	TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trảng Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TT KSBT (CDC)	TTYT H. Định Quán	TTYT TP. Long Khánh
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
400	-	-	-	670	270	70	4.000	-	540
400	-	-	-	670	140	-	-	-	400

TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch	TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trảng Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TT KSBT (CDC)	TTYT H. Định Quán	TTYT TP. Long Khánh
2.000	670	670	1.340	2.670	270	2.000	14.670	670	6.670
2.000	1.070	670	2.000	3.340	800	1.340	8.670	1.340	6.670

TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch	TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trảng Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TT KSBT (CDC)	TTYT H. Định Quán	TTYT TP. Long Khánh
2.670	2.670	2.670	4.000	2.670	1.340	4.800	14.000	5.340	20.000
670	400	400	400	1.340	670	540	16.000	1.340	1.870
270	270	400	140	1.340	670	400	7.600	540	1.600
800	140	-	-	1.600	-	400	3.600	-	800

TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch	TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trảng Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TT KSBT (CDC)	TTYT H. Định Quán	TTYT TP. Long Khánh
1.340	540	400	1.340	1.600	400	670	13.740	670	2.400
1.600	400	400	2.000	2.670	400	1.340	14.670	670	8.670

TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch	TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trảng Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TT KSBT (CDC)	TTYT H. Định Quán	TTYT TP. Long Khánh
1.340	1.070	670	1.340	2.670	2.000	400	16.000	670	5.340
-	-	-	-	-	-	-	-	-	70
540	140	-	1.340	1.600	270	140	6.670	270	1.870

TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch	TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trảng Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TT KSBT (CDC)	TTYT H. Định Quán	TTYT TP. Long Khánh
-	140	-	-	670	-	140	-	140	70
-	-	-	-	670	270	70	2.000	140	540
1.340	1.070	270	2.670	1.340	-	1.070	2.670	940	1.600
-	-	400	1.340	-	-	-	1.070	670	140
5.340	4.000	2.670	4.000	5.340	2.940	7.200	1.340	2.000	7.340

TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch	TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trảng Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TT KSBT (CDC)	TTYT H. Định Quán	TTYT TP. Long Khánh
1.340	-	-	70	400	-	-	14.000	-	1.340
4.000	2.000	4.000	10.670	3.340	2.670	2.400	2.670	5.340	7.340
400	670	400	-	670	270	800	-	-	3.070
400	140	-	-	-	-	1.070	-	-	1.600
800	670	670	2.000	1.070	-	400	1.740	400	800
1.340	400	270	-	2.670	670	540	940	270	1.340
-	140	-	140	-	-	270	7.340	-	70
400	140	140	-	270	-	670	-	-	1.340
-	-	2.670	5.340	-	-	-	7.070	670	10.670

TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch	TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trảng Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TT KSBT (CDC)	TTYT H. Định Quán	TTYT TP. Long Khánh
2.000	540	400	2.000	4.000	670	1.340	8.670	2.000	7.340
4.000	940	270	2.000	4.670	670	1.600	16.000	2.670	7.340
400	800	-	800	2.670	270	200	2.000	400	2.140
1.600	540	400	670	2.400	670	800	4.000	1.340	4.270

TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch	TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trảng Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TT KSBT (CDC)	TTYT H. Định Quán	TTYT TP. Long Khánh
-	270	-	400	540	-	540	1.070	270	1.070
670	1.070	670	1.340	1.070	270	1.340	7.340	800	1.600
-	270	270	140	540	-	670	1.340	140	140
1.600	400	400	670	2.670	670	400	5.600	1.340	3.340
670	140	-	140	670	270	270	2.670	140	1.340

TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch	TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trảng Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TT KSBT (CDC)	TTYT H. Định Quán	TTYT TP. Long Khánh
800	540	340	940	2.670	400	270	7.600	270	1.600
-	140	270	140	1.340	670	140	8.670	270	3.200
540	270	140	670	1.600	670	540	6.670	670	1.870
2.670	-	-	4.000	-	-	2.670	-	-	1.340
5.340	2.670	2.670	4.000	5.340	670	4.000	7.070	4.000	9.340

TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch	TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trảng Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TT KSBT (CDC)	TTYT H. Định Quán	TTYT TP. Long Khánh
800	270	140	670	1.340	-	670	6.670	400	940
670	540	140	400	1.340	-	670	6.670	270	940
20.087.086.970	8.090.735.860	5.965.490.460	21.229.082.510	34.549.408.930	7.767.165.900	13.177.483.240	137.541.003.670	13.961.449.470	61.677.749.540

TTYT H. Long Thành	BV Tâm Thần TW2	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quân Y 7B	Trường Sĩ Quan Lục Quân 2	Trung tâm nghiện	Bệnh xá công an tỉnh
-	-	-	-	-	-	-	-
1.070	-	-	670	670	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-

TTYT H. Long Thành	BV Tâm Thần TW2	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quân Y 7B	Trường Sĩ Quan Lục Quân 2	Trung tâm nghiện	Bệnh xá công an tỉnh
3.340	-	-	2.670	1.870	-	-	-
2.670	-	-	-	1.140	-	-	-

TTYT H. Long Thành	BV Tâm Thần TW2	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quân Y 7B	Trường Sĩ Quan Lục Quân 2	Trung tâm nghiện	Bệnh xá công an tỉnh
10.670	-	-	-	560	-	-	-
1.600	-	-	1.340	2.000	-	-	-
1.340	-	-	1.340	560	-	-	-
1.200	-	-	-	940	-	-	-

TTYT H. Long Thành	BV Tâm Thần TW2	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quân Y 7B	Trường Sĩ Quan Lục Quân 2	Trung tâm nghiện	Bệnh xá công an tỉnh
3.340	-	-	1.340	800	-	-	-
6.670	-	-	1.340	470	-	-	-

TTYT H. Long Thành	BV Tâm Thần TW2	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quân Y 7B	Trường Sĩ Quan Lục Quân 2	Trung tâm nghiện	Bệnh xá công an tỉnh
2.000	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-
2.000	-	-	-	-	-	-	-

TTYT H. Long Thành	BV Tâm Thần TW2	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quân Y 7B	Trường Sĩ Quan Lục Quân 2	Trung tâm nghiện	Bệnh xá công an tỉnh
670	-	-	-	400	-	-	-
400	-	-	-	-	-	-	-
3.340	-	-	1.340	-	-	-	-
740	-	-	-	190	-	-	-
4.800	-	-	6.670	4.000	-	-	-

TTYT H. Long Thành	BV Tâm Thần TW2	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quân Y 7B	Trường Sĩ Quan Lục Quân 2	Trung tâm nghiện	Bệnh xá công an tỉnh
670	-	-	2.670	430	-	-	-
13.340	-	-	2.670	2.140	-	-	-
4.000	-	-	-	-	-	-	-
2.000	-	-	1.340	-	-	-	-
1.600	-	-	670	560	-	-	-
4.000	-	-	670	220	-	-	-
1.340	-	-	-	1.600	-	-	-
670	-	-	2.670	-	-	-	-
10.670	-	-	-	-	-	-	-

TTYT H. Long Thành	BV Tâm Thần TW2	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quân Y 7B	Trường Sĩ Quan Lục Quân 2	Trung tâm nghiện	Bệnh xá công an tỉnh
3.340	-	-	4.000	1.280	-	-	-
6.000	-	-	2.670	2.670	-	-	-
3.340	-	-	1.340	-	-	-	-
2.670	-	-	1.340	560	-	-	-

TTYT H. Long Thành	BV Tâm Thần TW2	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quân Y 7B	Trường Sĩ Quan Lục Quân 2	Trung tâm nghiện	Bệnh xá công an tỉnh
670	-	-	1.340	480	-	-	-
1.340	-	-	-	480	-	-	-
2.000	-	-	1.340	-	-	-	-
4.000	-	-	670	940	-	-	-
400	-	-	1.340	270	-	-	-

TTYT H. Long Thành	BV Tâm Thần TW2	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quân Y 7B	Trường Sĩ Quan Lục Quân 2	Trung tâm nghiện	Bệnh xá công an tỉnh
2.000	-	-	-	540	-	-	-
1.340	-	-	-	560	-	-	-
1.340	-	-	-	1.200	-	-	-
4.000	-	-	2.670	-	-	-	-
10.670	-	-	4.000	1.600	-	-	-

TTYT H. Long Thành	BV Tâm Thần TW2	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quân Y 7B	Trường Sĩ Quan Lục Quân 2	Trung tâm nghiện	Bệnh xá công an tỉnh
1.340	-	-	670	2.000	-	-	-
1.340	-	-	-	2.000	-	-	-
48.898.974.020	'	'	16.191.114.540	12.956.966.490	'	'	'